TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 /03/2018
V/v Tranh chấp:
" Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Hoa***
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Nguyễn Thị Hơn.**
+ Bà **Nguyễn Thị Vinh Quang.**

*Thư ký phiên tòa bà **Nguyễn Thị Huyền Ni** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Xuân**- kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-ST ngày 06/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐHPT ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1989 (có mặt).
Địa chỉ: 434, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2/ ***Bị đơn:* Anh Võ Văn T,** sinh năm: 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: 643, khu phố 7, đường B, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh T cưới nhau và chung sống như vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, sau khi cưới nhau anh chị sống tại gia đình anh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, anh T không lo cho vợ con, chị P bỏ về bên cha mẹ ruột ở xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T.

Con chung: Có 01 cháu Võ Tấn L sinh ngày 24/7/2010, hiện nay chị P đang nuôi, khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P; Con chung giao cho chị P trực tiếp nuôi cháu Võ Tấn L sinh ngày 24/7/2010, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn T là tranh chấp "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T; con chung có 01 cháu Võ Tấn L, sinh ngày 24/7/2010, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh tài cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Tại phiên tòa anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến tham dự phiên tòa trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào khoản 2 Điền 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Văn T.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang năm 2010, sau khi cưới anh chị chung sống tại gia đình anh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang sống từ năm 2013 cho nay, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị P và anh Võ Văn T chung sống hạnh phúc đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm lo cho vợ con từ đó anh chị thường xuyên cự cãi nhau, hai anh chị không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị P bỏ về gia đình cha mẹ ruột sống, anh T không đến thăm vợ con. Từ đó anh chị làm cho tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng gay gắt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét như vậy coi như anh T từ bỏ ý kiến của mình. Do đó chị P yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

[2]Về con chung: Có 01 cháu Võ Tấn L sinh ngày 24/7/2010, hiện nay chị P đang nuôi con. Khi ly hôn chị P yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Xét thấy cháu L từ nhỏ sống gần chị P được chị P chăm sóc, giáo dục lo cho cháu L ăn học chu đáo, hiện nay chị P làm công nhân công ty gần nhà, anh T là tài xế xe chạy đường dài không thường xuyên ở nhà nên việc chăm sóc cháu L không đảm bảo cuộc sống hàng ngày cho cháu L. Do đó chị P yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và chị P có điều kiện chăm sóc cho cháu L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị P yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P trực tiếp nuôi cháu L nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh VõVăn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Võ Tấn L sinh ngày 24/7/2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến trông nom, chănm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0011982 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 09/3/2018, chị P có mặt, anh T vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
(Đăng ký kết hôn năm 2010 phường 5, TP M)
- Lưu hồ sơ.